

Báo cáo Thị trường Lúa gạo

Tháng 2 2026

Báo cáo cập nhật bức tranh toàn cảnh về tình hình sản xuất, biến động giá cả, tình hình tiêu thụ và các dự báo về thị trường lúa gạo trong nước và thế giới.



Mục lục

Tóm tắt	03
Phần I: Thị trường gạo thế giới	04
1. Sản lượng, tiêu thụ	04
2. Tình hình xuất nhập khẩu	05
3. Diễn biến giá	09
Phần II: Thị trường gạo Việt Nam	12
1. Sản xuất	12
2. Xuất khẩu	12
3. Diễn biến giá	14
Phần III: Dự báo	16
Phần IV: Hoạt động của các doanh nghiệp trong ngành	17
Phần V: Chính sách	20
Phụ lục	21

Viết tắt, giải nghĩa

APEDA: Cơ quan Phát triển Xuất khẩu Sản phẩm Nông nghiệp và Chế biến Ấn Độ

Bapanas: Cơ quan Lương thực Quốc gia Indonesia

BIRC: Hội nghị Gạo Quốc tế Bharat

BPI: Cục Công nghiệp Thực vật Philippines

BPS: Cục Thống kê Indonesia

CRF: Liên đoàn lúa gạo Campuchia

FAO: Tổ chức Lương thực và Nông nghiệp Liên Hợp Quốc

FCI: Tổng công ty Lương thực Ấn Độ

IGC: Hội đồng Ngũ cốc Quốc tế

IREF: Liên đoàn Các nhà Xuất khẩu Gạo Ấn Độ

ITC: Trung tâm Thương mại Quốc tế

PSA: Cơ quan Thống kê Philippines

REA: Hiệp hội các nhà xuất khẩu gạo Ấn Độ

USDA: Bộ Nông nghiệp Mỹ

VFA: Hiệp hội Lương thực Việt Nam

VIETRISA: Hiệp hội ngành hàng lúa gạo Việt Nam

Để thuận tiện hơn trong việc xem và tra cứu báo cáo này, xin mời quý vị tải bản PDF về và mở trên các phần mềm chuyên dụng như Adobe PDF Reader hoặc Foxit Reader.

Tóm tắt

- Theo báo cáo của Tổ chức Lương thực và Nông nghiệp của Liên Hợp Quốc (FAO), sản lượng gạo toàn cầu niên vụ 2025-2026 dự báo đạt mức kỷ lục 563,4 triệu tấn, tăng 2,1% so với niên vụ trước. Trong khi đó, mức tiêu thụ gạo toàn cầu cũng được dự báo tăng mạnh 2,7%, đạt 555,5 triệu tấn, mức cao kỷ lục mới.
- Tây Á là thị trường chủ lực, nhập khẩu khoảng 5,38 triệu tấn gạo Ấn Độ trong giai đoạn từ tháng 4/2025 đến tháng 1/2026, tương đương 70% thị phần. Bất ổn tại khu vực khiến Liên đoàn các nhà xuất khẩu gạo Ấn Độ khuyến nghị doanh nghiệp hạn chế ký hợp đồng mới theo điều kiện CIF (giá thành, bảo hiểm và cước phí), thay vào đó ưu tiên điều kiện FOB (giao lên tàu) để giảm thiểu rủi ro.
- Hiệp hội Xuất khẩu Gạo Thái Lan cho biết hai con tàu chở tổng cộng 80.000 tấn gạo đến Iraq đã bị tạm dừng tại một cảng ở Bangkok trong tuần đến ngày 13/3. Người mua yêu cầu dỡ các container xuống và đưa gạo trở lại kho.
- Dữ liệu mới nhất từ Cục Công nghiệp Thực vật Philippines (BPI) cho thấy, nhập khẩu gạo của Philippines trong 2 tháng đầu năm đạt 820.160 tấn, tăng 49% so với cùng kỳ năm ngoái.
- Chỉ số Gạo Toàn cầu của FAO tăng nhẹ 0,4% lên 103,2 điểm trong tháng 2, từ mức 102,8 điểm của tháng trước đó. Chỉ số này đã duy trì xu hướng tăng liên tục kể từ tháng 12 năm ngoái và đạt mức cao nhất trong 7 tháng trở lại đây. Tuy nhiên, bước sang tháng 3, giá gạo tại châu Á đồng loạt giảm do nhu cầu yếu, trong khi nguồn cung gia tăng.
- Theo số liệu của Cục Hải quan Việt Nam, trong 2 tháng đầu năm, xuất khẩu gạo của Việt Nam đạt 1,27 triệu tấn, tăng 3,5% so với cùng kỳ năm trước. Chủ yếu do xuất khẩu sang Philippines, Trung Quốc, Malaysia tăng mạnh, bù đắp cho nhu cầu có xu hướng chậm lại từ châu Phi.
- Cuộc xung đột giữa Mỹ, Israel với Iran không chỉ tác động trực tiếp đến hoạt động xuất khẩu gạo của Việt Nam sang khu vực vùng Vịnh mà còn đẩy chi phí vận chuyển gia tăng do phí bảo hiểm và giá nhiên liệu leo thang.

Phần I: THỊ TRƯỜNG GẠO THẾ GIỚI



Hoạt động xuất khẩu gạo của Ấn Độ và Thái Lan sang các thị trường tiêu thụ hàng đầu tại Trung Đông đang bị gián đoạn bởi xung đột trong khu vực. Xung đột leo thang liên quan đến Mỹ, Israel và Iran đang làm tăng rủi ro đối với bảo hiểm hàng hải, hàng không và tín dụng thương mại. Phí bảo hiểm rủi ro chiến tranh tăng cao, khả năng đóng cửa không phận và các mối đe dọa đối với các tuyến vận chuyển có thể gây áp lực lên thị trường tái bảo hiểm và làm gián đoạn logistics thương mại toàn cầu.

1 Sản xuất - Tiêu thụ



FAO: Theo báo cáo của Tổ chức Lương thực và Nông nghiệp của Liên Hợp Quốc (FAO), sản lượng gạo thế giới niên vụ 2025-2026 dự

báo đạt mức kỷ lục 563,4 triệu tấn (gạo xay xát), tăng thêm 1,7 triệu tấn so với dự báo trước và tăng 2,1% so với niên vụ 2024-2025. Các quốc gia như Bangladesh, Brazil, Trung Quốc, Ấn Độ và Indonesia là những nhân tố chính dẫn đầu tăng trưởng, bù đắp cho sự sụt giảm tại Madagascar, Pakistan, Thái Lan và Mỹ.

FAO đã nâng ước tính sản lượng của Indonesia so với tháng 2, khi các đánh giá cuối cùng của chính phủ cho thấy việc mở rộng diện tích trồng đáng kể đã đưa sản lượng gạo

của Indonesia lên mức cao nhất trong một thập kỷ. Số liệu sản lượng cũng được nâng lên đối với Thái Lan, sau khi điều chỉnh các ước tính niên vụ 2024-2025, đồng thời do tiến độ gieo trồng cho thấy diện tích vụ trái mùa năm 2025-2026 của nước này giảm ít hơn so với dự kiến trước đó.

Trong bối cảnh nguồn cung toàn cầu dồi dào nhờ các vụ mùa bội thu liên tiếp, mức tiêu thụ gạo toàn cầu được dự báo tăng mạnh 2,7% trong niên vụ 2025-2026, đạt 555,5 triệu tấn, mức cao kỷ lục mới.

FAO cũng nâng dự báo tồn kho gạo thế giới vào cuối niên vụ 2025-2026 thêm 1,6 triệu tấn so với dự báo trước, lên mức 219,3 triệu tấn. Việc điều chỉnh này chủ yếu phản ánh mức dự trữ dự kiến tăng tại Bangladesh, Indonesia và Thái Lan nhờ triển vọng nguồn cung tốt hơn. Bên cạnh đó, kho dự trữ của Bangladesh và Indonesia cũng cải thiện đáng kể nhờ tốc độ thu mua lúa gạo trong nước tăng mạnh. Những điều chỉnh tăng này đã vượt qua các điều chỉnh giảm về dự trữ tại Nhật Bản và Nigeria.

Dự báo của FAO về thương mại gạo quốc tế năm 2026 (tháng 1-12) hầu như không thay đổi so với tháng trước, tiếp tục cho thấy mức giảm 1,1% so với mức cao kỷ lục năm 2025, xuống còn 60,4 triệu tấn.

Căng thẳng leo thang liên quan đến Iran xung quanh eo biển Hormuz chiến lược, nơi vận chuyển khoảng một phần năm lượng dầu mỏ toàn cầu đang làm gián đoạn giao thông tàu chở dầu và đẩy giá năng lượng lên cao. Giá dầu Brent đã tăng vọt do sự chậm trễ vận

chuyển, trong khi giá dầu diesel, nhiên liệu máy bay và khí đốt ở châu Âu cũng đang tăng. Một số nhà sản xuất đã điều chỉnh dòng chảy như Ả Rập Xê Út đang chuyển hướng xuất khẩu dầu thô sang các cảng Biển Đỏ để tránh vùng Vịnh, cho thấy quy mô gián đoạn logistics trong thương mại năng lượng toàn cầu.

Xung đột này cũng đe dọa một hành lang vận chuyển phân bón toàn cầu quan trọng vì gần một phần ba lượng phân bón nitơ bao gồm urê và amoniac, được vận chuyển qua eo biển Hormuz. Sự gián đoạn nguồn cung khí đốt và các trung tâm xuất khẩu như Qatar, một nhà xuất khẩu urê lớn, đang đẩy giá lên cao. Khi nông dân Bắc bán cầu bước vào mùa gieo trồng cao điểm, bất kỳ sự gián đoạn kéo dài nào cũng có thể làm tăng mạnh chi phí đầu vào nông nghiệp và làm khan hiếm phân bón toàn cầu.

Giá dầu tăng cao và sự bất ổn địa chính trị đang ảnh hưởng đến thị trường nông nghiệp. Các mặt hàng liên quan đến nhiên liệu sinh học như dầu đậu nành và đường đang tăng giá, trong khi giá ngũ cốc tương lai tại Chicago đã tăng vọt do lo ngại về tình trạng thiếu phân bón và gián đoạn nguồn cung. Các nền kinh tế nông nghiệp phụ thuộc vào nhập khẩu bao gồm Ấn Độ và Brazil, có thể phải đối mặt với chi phí sản xuất cao hơn và nguy cơ lạm phát giá lương thực.

Xung đột leo thang liên quan đến Mỹ, Israel và Iran đang làm tăng rủi ro đối với bảo hiểm hàng hải, hàng không và tín dụng thương mại. Phí bảo hiểm rủi ro chiến tranh tăng cao, khả năng đóng cửa không phận và các mối đe dọa đối với các tuyến vận chuyển có thể gây áp lực lên thị trường tái bảo hiểm và làm gián đoạn logistics thương mại toàn cầu.

Các quốc gia thuộc Hội đồng Hợp tác vùng Vịnh, nơi nhập khẩu khoảng 80-90% lượng

thực, đặc biệt dễ bị tổn thương vì phần lớn nguồn cung của họ đi qua eo biển Hormuz. Bất kỳ sự gián đoạn kéo dài nào cũng có thể gây áp lực lên chuỗi cung ứng phục vụ khoảng 50 triệu người và bộc lộ sự phụ thuộc nặng nề của khu vực vào một tuyến đường hàng hải duy nhất.

2 Tình hình xuất nhập khẩu

a. Xuất khẩu



Ấn Độ: Trong giai đoạn từ tháng

4/2025 đến tháng 1/2026, Ấn Độ đã xuất khẩu khoảng 17,08 triệu tấn gạo, bao gồm cả gạo basmati và không basmati. Như vậy, quốc gia này vẫn cần xuất khẩu thêm khoảng 3,7 triệu tấn để hoàn thành mục tiêu 20,8 triệu tấn cho cả năm tài chính.

Tính riêng tháng đầu năm, lượng gạo xuất khẩu của Ấn Độ đạt 1,3 triệu tấn, tăng 5% so với cùng kỳ năm trước. Tuy nhiên, kim ngạch xuất khẩu lại giảm 11,2%, xuống còn 599,3 triệu USD, cho thấy áp lực giảm giá khá lớn; giá xuất khẩu bình quân chỉ còn 464,1 USD/tấn, giảm 15,4% so với cùng kỳ.

Tây Á vẫn là thị trường chủ lực, nhập khẩu khoảng 5,38 triệu tấn gạo Ấn Độ trong giai đoạn từ tháng 4/2025 đến tháng 1/2026, chiếm tới 70% tổng khối lượng xuất khẩu. Điều này cho thấy vai trò then chốt của khu vực trong việc thực hiện các mục tiêu xuất khẩu gạo của Ấn Độ trong năm tài chính hiện tại, đặc biệt đối với gạo basmati cao cấp – mặt hàng xuất khẩu chủ lực sang các quốc gia vùng Vịnh.

Tuy nhiên, các thách thức về logistics và tài chính đang gia tăng. Bất ổn tại Tây Á khiến Liên đoàn các nhà xuất khẩu gạo Ấn Độ (IREF)

khuyến nghị doanh nghiệp hạn chế ký hợp đồng mới theo điều kiện CIF (giá thành, bảo hiểm và cước phí), thay vào đó ưu tiên điều kiện FOB (giao lên tàu) để giảm thiểu rủi ro.

Nhiều lô hàng xuất đi trong tháng 2 hiện vẫn bị đình trệ do gián đoạn các tuyến vận chuyển, tạo ra thách thức kép: vừa làm chậm tiến độ xuất khẩu trong giai đoạn tăng tốc cuối năm, vừa khiến doanh nghiệp chưa thể thu hồi tiền từ các lô hàng đã giao nhưng chưa đến nơi.

Mối đe dọa đối với đà tăng trưởng xuất khẩu gạo của Ấn Độ không chỉ đến từ yếu tố địa chính trị mà còn từ áp lực tài chính, khi chi phí vận chuyển tăng vọt. Căng thẳng leo thang tại Trung Đông đang đẩy chi phí lên cao và khiến nhiều lô hàng bị mắc kẹt, qua đó làm thu hẹp biên lợi nhuận của các nhà xuất khẩu.

 **Thái Lan:** Theo Hiệp hội các nhà xuất khẩu gạo Thái Lan (TREA), tháng 1/2026, xuất khẩu gạo của Thái Lan đạt 530.287 tấn, trị giá 9,7 tỷ Baht, giảm 17,5% về lượng và 30,7% về trị giá so với cùng kỳ năm ngoái.

Xuất khẩu sang Iraq và Mỹ giảm mạnh, lần lượt 20,1% và 34,1%, trong khi lượng gạo xuất sang Malaysia tăng vọt 116% do nước này tìm mua gạo Thái Lan để bù đắp cho việc giao hàng chậm trễ từ Pakistan. Xuất khẩu sang Trung Quốc cũng tăng 84,5%.

Trong khi đó, theo *Bloomberg*, xuất khẩu gạo của Thái Lan sang Trung Đông đã bị đình trệ do cuộc xung đột leo thang trong khu vực làm gián đoạn việc vận chuyển tới thị trường tiêu thụ gạo lớn nhất của nước này, càng gây thêm khó khăn cho nông dân vốn đang phải đối mặt với chi phí tăng cao và nhu cầu từ nước ngoài giảm sút.

Hiệp hội Xuất khẩu Gạo Thái Lan cho biết hai con tàu chở tổng cộng 80.000 tấn gạo đến Iraq

đã bị tạm dừng tại một cảng ở Bangkok trong tuần đến ngày 13/3. Người mua yêu cầu dỡ các container xuống và đưa gạo trở lại kho.

Mọi thứ đều đang đình trệ, các chuyến hàng tới Trung Đông có thể bị đình chỉ trong nhiều tháng. Cũng không có giao dịch mua bán mới nào diễn ra vì không ai biết điều gì sẽ xảy ra.

Đồng thời Hiệp hội cho biết thêm rằng tình hình này có thể làm trầm trọng thêm tình trạng khó khăn của nông dân khi họ đang phải đối mặt với giá trong nước giảm và đồng baht mạnh lên làm giảm khả năng cạnh tranh ở thị trường quốc tế. Áp lực đối với người trồng lúa có thể lan rộng ra toàn bộ nền kinh tế, bởi khu vực nông nghiệp chiếm khoảng một phần tư lực lượng lao động của Thái Lan.

Xuất khẩu gạo của Thái Lan trước đó đã được dự báo sẽ giảm 11% trong năm nay xuống còn 7 triệu tấn, mức thấp nhất trong 5 năm. Triển vọng hiện còn u ám hơn vì Iraq, khách hàng mua gạo lớn nhất của Thái Lan, yêu cầu vận chuyển hàng hóa qua eo biển Hormuz, nơi một tàu chở hàng của Thái Lan mới đây đã bị trúng đạn pháo từ phía Iran.

Các nhà xuất khẩu gạo Thái Lan đang phải đối mặt với các khoản phụ phí rủi ro chiến tranh rất cao và cước vận chuyển tăng do giá nhiên liệu tăng. Những chi phí phát sinh này sẽ làm giảm lợi nhuận của các nhà xuất khẩu vào thời điểm giá gạo Thái Lan trên thị trường toàn cầu đang tăng do đồng baht mạnh lên so với USD, trong khi dự báo nguồn cung toàn cầu dồi dào đang làm giảm nhu cầu.

Theo dữ liệu của hiệp hội các nhà xuất khẩu, gạo trắng 5% tẩm của Thái Lan được chào giá ở mức 392 USD/tấn vào ngày 13/3, so với 356–360 USD/tấn đối với sản phẩm cùng loại của Việt Nam và 350–354 USD/tấn của Ấn Độ.



Pakistan: Bộ Thương Mại Pakistan cho biết xuất khẩu gạo của Pakistan đã chứng kiến sự sụt giảm đáng kể trong giai đoạn từ tháng 7 đến tháng 12/2025, với kim ngạch xuất khẩu giảm xuống còn 0,97 tỷ USD so với 1,83 tỷ USD của cùng kỳ năm trước, trong bối cảnh cạnh tranh gia tăng với Ấn Độ.

Xuất khẩu gạo của Pakistan đã giảm gần một nửa, phản ánh những thách thức ngày càng lớn mà quốc gia này đang phải đối mặt trên thị trường quốc tế.

Theo các tài liệu chính thức, khối lượng gạo xuất khẩu của Pakistan giảm 36,6%, trong đó gạo basmati giảm 32,3% về giá trị và 33,8% về sản lượng. Bộ Thương mại cho rằng sự sụt giảm này chủ yếu do Ấn Độ quay trở lại thị trường basmati toàn cầu, làm gia tăng mức độ cạnh tranh đối với Pakistan.

Hiện nay, gạo basmati của Pakistan đang được bán trên thị trường quốc tế với giá từ 1.050 - 1.275 USD/tấn, trong khi Ấn Độ chào bán gạo basmati với giá khoảng 900 USD/tấn, khiến sản phẩm của nước này trở nên hấp dẫn hơn đối với người mua quốc tế.

Nguồn cung gạo toàn cầu gia tăng và giá giảm đã tiếp tục làm suy yếu khả năng cạnh tranh của gạo Pakistan trên thị trường quốc tế. Hiện Pakistan đang nỗ lực tăng cường vị thế của gạo basmati trên thị trường toàn cầu. Chính phủ đang tập trung vào chương trình Hoàn thuế xuất khẩu (DLTL) để hỗ trợ các nhà xuất khẩu.

Theo chính sách này, chính phủ đặt mục tiêu hoàn lại các loại thuế và phí nội địa cho các doanh nghiệp xuất khẩu nhằm giảm gánh nặng tài chính và cải thiện khả năng cạnh tranh của Pakistan trên thị trường gạo thế giới.



Campuchia: Theo báo cáo từ Liên đoàn Lúa gạo Campuchia (CRF), trong

2 tháng đầu năm, Campuchia đã xuất khẩu 247.822 tấn gạo xay xát, trị giá 142 triệu USD, tăng 83% về lượng và tăng 34% về trị giá so với cùng kỳ năm trước.

Châu Âu vẫn là thị trường lớn của gạo Campuchia, với lượng xuất khẩu đạt 64.134 tấn trị giá 46 triệu USD.

Ngoài ra, Campuchia cũng xuất khẩu 51.384 tấn sang Trung Quốc, trị giá 36,31 triệu USD. Năm quốc gia ASEAN đã nhập khẩu tổng cộng 112.142 tấn, mang lại 41 triệu USD, trong khi xuất khẩu sang 16 thị trường khác – bao gồm châu Phi, Trung Đông, Mỹ, Canada, Australia và New Zealand đạt 20.162 tấn, trị giá 18 triệu USD.

Về chủng loại, gạo thơm chiếm tỷ trọng xuất khẩu lớn nhất với 59,16%, tiếp theo là gạo tằm với 27,68%, còn lại là gạo trắng hạt dài, gạo đỏ và gạo hữu cơ.

Liên đoàn cho rằng sự tăng trưởng xuất khẩu gạo là nhờ sự quan tâm của chính phủ trong việc thúc đẩy xuất khẩu mặt hàng này thông qua các quỹ hỗ trợ khẩn cấp cho các nhà máy xay xát và doanh nghiệp xuất khẩu để thu mua lúa trong mùa thu hoạch.

Trong khi đó, Campuchia cũng đã xuất khẩu 873.880 tấn lúa, chủ yếu sang Việt Nam, với giá trị 196 triệu USD.

Năm ngoái, Campuchia đã xuất khẩu 940.321 tấn gạo xay xát sang 75 thị trường quốc tế, thu về 602 triệu USD.

b. Nhập khẩu



Philippines: Dữ liệu mới nhất từ Cục Công nghiệp Thực vật Philippines (BPI) cho thấy, nhập khẩu gạo của Philippines trong 2 tháng đầu năm đạt 820.160 tấn,

tăng 49% so với 550.736 tấn của cùng kỳ năm ngoái.

Khối lượng nhập khẩu lũy kế từ đầu năm đã vượt mức dự kiến khoảng 600.000 tấn của Bộ Nông nghiệp (DA) cho hai tháng đầu năm. Trước đó, DA đã kêu gọi các thương nhân và nhà nhập khẩu giữ lượng nhập khẩu khoảng 300.000 tấn mỗi tháng. Tuy nhiên, vì không có luật nào trao quyền cho cơ quan này để hạn chế nhập khẩu gạo, nên những cam kết vẫn chỉ mang tính tự nguyện.

Bộ Nông nghiệp cho biết họ dự kiến khối lượng nhập khẩu gạo sẽ đạt 150.000 tấn/tháng trong tháng 3 và tháng 4, sau các cuộc tham vấn với các thương nhân và nhà nhập khẩu gạo. Lượng nhập khẩu dự kiến này thấp hơn mức trung bình khoảng 400.000 tấn/tháng, sau khi các nhà nhập khẩu đồng ý giảm lượng hàng nhập để nhường chỗ cho vụ thu hoạch trong nước.

Nếu được thực hiện, tổng lượng nhập khẩu 300.000 tấn trong tháng 3 và tháng 4 sẽ giảm 65,5% so với 869.321 tấn của cùng kỳ năm trước.

Ngay cả khi có lo ngại về lạm phát tăng cao do xung đột đang diễn ra ở Trung Đông, khối lượng nhập khẩu sẽ không thay đổi vì vấn đề này sẽ do các bên liên quan trong ngành gạo quyết định. Về phía Bộ Nông nghiệp, cơ quan này đang theo dõi chặt chẽ căng thẳng leo thang giữa Mỹ và Israel với Iran nhằm đảm bảo nguồn cung và giá lương thực vẫn ổn định.

Trong hai tháng đầu năm, Việt Nam tiếp tục là nhà cung cấp gạo hàng đầu cho Philippines, với khối lượng đạt 751.445 tấn, chiếm gần 87% tổng lượng nhập khẩu. Các nguồn cung lớn khác cho Philippines gồm Thái Lan với 61.316 tấn, Myanmar với 40.975 tấn và Campuchia với 9.660 tấn.

 **Indonesia:** Bộ Nông nghiệp Indonesia khẳng định Indonesia đã đảm bảo đủ nguồn dự trữ gạo cho 324 ngày, tương đương gần 11 tháng, với sản lượng hàng tháng có thể đạt tới 5,7 triệu tấn.

Dữ liệu chính thức công bố trong tháng 3 cho thấy nước này có khả năng sản xuất từ 2,6 - 5,7 triệu tấn gạo mỗi tháng, cao hơn mức tiêu thụ trung bình quốc gia là 2,59 triệu tấn/tháng.

Chính phủ đã xác nhận tổng lượng gạo dự trữ là 27,99 triệu tấn, bao gồm 3,76 triệu tấn trong kho của Cơ quan Hậu cần Quốc gia Indonesia (Bulog), 12,5 triệu tấn do người dân nắm giữ và 11,73 triệu tấn lúa đang chuẩn bị thu hoạch.

Về sản lượng, Indonesia dự kiến sản xuất khoảng 16,92 triệu tấn gạo trong giai đoạn từ tháng 1 đến tháng 5/2026. Phản ánh khả năng phục hồi của ngành nông nghiệp quốc gia trước các thách thức toàn cầu.

Các ước tính của Bộ Nông nghiệp cho thấy lượng gạo dự trữ của Bulog sẽ đạt 5 triệu tấn trong hai tháng tới, qua đó tiếp tục củng cố nguồn dự trữ gạo của chính phủ.

Chính phủ cũng dự kiến triển khai nhằm ứng phó với nguy cơ hạn hán do biến đổi khí hậu, trong đó có chương trình lắp đặt máy bơm nước để tưới tiêu cho khoảng 2 triệu ha đất nông nghiệp trên toàn quốc. Về phân bón, nông dân được đảm bảo nguồn cung đầy đủ và giá đã được giảm 20%. Điều này sẽ tạo động lực lớn để nông dân tiếp tục gieo trồng.

 **Nhật Bản:** Theo số liệu từ Trung tâm Thương mại Quốc tế (ITC), Nhật Bản đã nhập khẩu kỷ lục 862.342 tấn gạo trong năm 2025, tăng 14,3% so với năm 2024. Trong đó, Mỹ dẫn đầu về cung cấp với 411.563 tấn, tăng 19%; Thái Lan: 247.769 tấn, giảm 23,5%; Trung Quốc: 97.884 tấn, tăng 279,5%;

Australia: 71.782 tấn, tăng 53,5%...

Đáng chú ý, Việt Nam đứng thứ 7 về xuất khẩu gạo vào Nhật Bản, với khối lượng đạt 7.407 tấn, tăng hơn 2,1 lần so với năm 2024. Nhờ đó, thị phần của Việt Nam trong tổng nhập khẩu gạo của Nhật Bản đã tăng từ 0,3% lên 0,9%.

Nhập khẩu gạo khu vực tư nhân của Nhật Bản tiếp tục tăng mạnh trong tháng 1/2026 khi giá gạo nội địa cao thúc đẩy người mua tìm đến nguồn cung nước ngoài rẻ hơn.

Dữ liệu của Bộ Tài chính Nhật Bản cho thấy nhập khẩu gạo khu vực tư nhân trong tháng 1 tăng vọt lên hơn 4.900 tấn, gần gấp 12 lần so với cùng kỳ năm trước với phần lớn nguồn cung từ Mỹ, tiếp theo là Thái Lan và Việt Nam.

Dù Nhật Bản chưa phải là thị trường quan trọng, nhưng các thương nhân ngành lúa gạo Việt Nam cũng đang dành sự quan tâm tới thị trường này. Theo Hiệp hội Lương thực Việt Nam, trong thời gian qua, các doanh nghiệp Việt Nam đang xuất khẩu gạo thơm sang Nhật Bản.

Dù phải chịu mức thuế nhập khẩu rất cao, tới 400%, nhưng gạo Việt Nam bán ở Nhật Bản vẫn rẻ hơn đáng kể so với gạo nội địa. Vì vậy, cứ mỗi lần có lô hàng gạo Việt Nam tới Nhật Bản và được bán ở các hệ thống phân phối, thì chỉ trong vài ngày là được tiêu thụ hết.

3 Diễn biến giá

Theo Tổ chức Lương thực và Nông nghiệp của Liên Hợp Quốc (FAO), chỉ số giá gạo toàn cầu ghi nhận mức tăng nhẹ trong tháng 2, mặc dù nhu cầu đối với các loại gạo basmati và japonica vẫn duy trì ổn định.

Báo cáo cho biết, Chỉ số Gạo Toàn cầu của FAO tăng nhẹ 0,4% lên 103,2 điểm trong tháng 2, từ mức 102,8 điểm của tháng trước đó. Chỉ số này đã duy trì xu hướng tăng liên tục kể từ tháng 12 năm ngoái và đạt mức cao nhất trong 7 tháng trở lại đây.

Được công bố hàng tháng, chỉ số gạo của FAO dựa trên 21 báo giá xuất khẩu gạo thuộc bốn nhóm gạo chính: indica (gạo trắng thường), gạo thơm, japonica và gạo nếp.

Trong tháng trước, giá của các loại gạo trên thị trường quốc tế biến động không đồng nhất. Chỉ số giá của gạo thơm và gạo japonica tăng nhẹ, trong khi gạo indica và gạo nếp lại giảm.

Giá gạo japonica tăng 3,7% lên 100,3 điểm, chủ yếu nhờ nhu cầu ổn định đối với gạo calrose (một loại gạo hạt trung bình) từ người mua ở khu vực Viễn Đông, cùng với nguồn cung theo mùa bị thắt chặt tại Việt Nam.

Tương tự, giá gạo thơm đạt 103,1 điểm, tăng 1,8% so với tháng trước. Mức tăng này chủ yếu do giá gạo basmati tăng cao tại Pakistan, nhờ các giao dịch với người mua ở Trung Đông và nhu cầu trong nước.

Ngược lại, chỉ số giá gạo nếp giảm 1,8% xuống còn 105,9 điểm, trong khi giá gạo indica chỉ biến động nhẹ ở mức 103,3 điểm.

Theo FAO, báo giá gạo indica trong tháng 2 phần lớn ổn định hoặc giảm nhẹ, do hoạt động giao dịch trầm lắng trong thời gian Tết Nguyên đán và việc các bên tham gia thị trường chờ đợi vụ thu hoạch mới tại Ấn Độ, Thái Lan và Việt Nam.

FAO cho biết: “Ở những nơi giá có xu hướng tăng, mức tăng chủ yếu liên quan đến biến động tỷ giá hoặc nguồn cung bị thắt chặt, điển hình nhất là trường hợp gạo đỏ tại Thái Lan.”

Hoạt động thu hoạch vụ mùa 2026-2027 tại châu Mỹ đã bắt đầu ở các nước thuộc Mercosur (khối kinh tế Nam Mỹ). FAO cho biết, giá gạo tại Argentina và Uruguay giữ ổn định, còn tại Brazil và Mỹ tiếp tục giảm **(Bảng 1)**.

Trong nửa đầu tháng 3/2026, giá gạo xuất khẩu của các quốc gia sản xuất hàng đầu nhìn chung đều giảm so với tháng trước do lực mua yếu, biến động tỷ giá và nguồn cung gia tăng.

Tính đến ngày 15/3, gạo đỏ 5% tấm của Ấn Độ được chào bán ở mức 348–353 USD/tấn, giảm 6 USD/tấn so với một tháng trước. Gạo trắng 5% tấm của nước này có giá 344–350 USD/tấn, giảm 6 USD/tấn **(Biểu đồ 1)**.

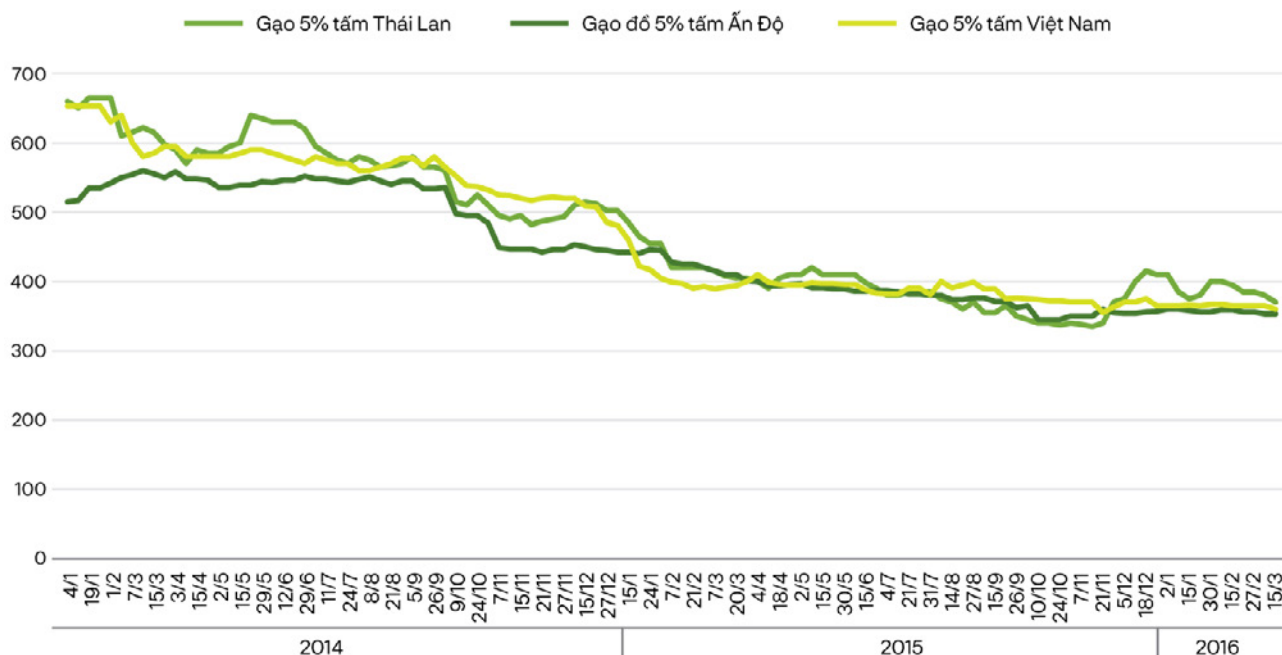
Các thương nhân cho biết, nguồn cung dư thừa để đáp ứng nhu cầu xuất khẩu, nhưng giá cước vận chuyển tăng cao đã làm chậm lại tốc độ các đơn hàng mới.

Bảng 1: Diễn biến giá gạo thế giới từ tháng 12/2025 đến tháng 2/2026
Nguồn: FAO.

Nước sản xuất	Loại gạo	Diễn biến giá qua các tháng (USD/tấn)			% thay đổi của tháng 2/2026 so với	
		12/2025	1/2026	2/2026	1/2026	2/2025
Ấn Độ	Basmati	925	1.150	1.150	0,0	▲ 28,7
	Trắng 25% tấm	333	337	339	▲ 0,4	▼ 9,4
	Trắng 5% tấm	348	351	352	▲ 0,2	▼ 11,0
	Gạo đỏ 5% tấm	355	357	356	▼ 0,1	▼ 12,9
Pakistan	Basmati	985	991	1.065	▲ 7,5	▲ 14,6
	Trắng 25% tấm	330	349	345	▼ 1,2	▼ 0,1
	Trắng 5% tấm	355	374	365	▼ 2,4	▼ 6,2
Thái Lan	Trắng 100% tấm	440	424	425	▲ 0,2	▼ 5,9
	Trắng 25% tấm	414	402	404	▲ 0,3	▼ 4,8
	A1 Super	381	383	384	▲ 0,3	▲ 1,1
	Hom Mali	1.171	1.203	1.200	▼ 0,2	▲ 22,9
	Nếp 10% tấm	921	880	858	▼ 2,5	▲ 0,5
	Đỏ 100%	438	428	443	▲ 3,5	▼ 3,3
Việt Nam	Nếp 10% tấm	542	541	538	▼ 0,6	▼ 7,5
	Trắng 25% tấm	339	335	336	▲ 0,3	▼ 6,4
	Trắng 5% tấm	361	357	359	▲ 0,5	▼ 6,6
	Thom 5% tấm	431	418	413	▼ 1,1	▼ 12,4
Campuchia	Thom 5% tấm	820	847	832	▼ 1,7	▼ 4,2
Mỹ	Gạo trắng 4% tấm	893	901	911	▲ 1,1	▲ 14,6
	Calrose 4% tấm	561	559	538	▼ 3,7	▼ 22,5
Argentina	Trắng 5% tấm	437	435	435	0,0	▼ 32,8
Brazil	Trắng 5% tấm	453	440	436	▼ 1,0	▼ 33,1
Uruguay	Trắng 5% tấm	467	467	465	▼ 0,5	▼ 26,7

Biểu đồ 1: Diễn biến giá gạo thế giới từ năm 2024 đến ngày 15/3/2026

Đơn vị: USD/tấn. Nguồn: Tổng hợp từ Reuters.



Xuất khẩu gạo của Ấn Độ, quốc gia chiếm hơn 40% tổng lượng gạo xuất khẩu toàn cầu, đang chậm lại do xung đột tại Iran đẩy giá cước vận chuyển và phí bảo hiểm tăng cao, khiến các nhà xuất khẩu khó tìm được tàu vận chuyển, theo thông tin từ năm nhà xuất khẩu chia sẻ với *Reuters*.

Chi phí bảo hiểm và cước vận chuyển đã tăng mạnh sau khi tuyến hàng hải qua Eo biển Hormuz gần như đình trệ.

Tại Việt Nam, theo các thương nhân, gạo 5% tấm được chào bán ở mức 355–360 USD/tấn, giảm so với mức 360–365 USD/tấn của tháng trước. Nguyên nhân được cho là do nguồn cung trong nước tăng lên trong bối cảnh vụ thu hoạch Đông Xuân đang diễn ra, trong khi nhu cầu từ thị trường quốc tế vẫn yếu.

Trong khi đó, giá gạo 5% tấm của Thái Lan được chào bán ở mức 370 USD/tấn, giảm 25 USD/tấn so với mức 395 USD/tấn của một

tháng trước, sau khi đồng Baht suy yếu. Các thương nhân thường hạ giá khi đồng nội tệ suy yếu để tạo mức chiết khấu hiệu quả tính theo USD, đồng thời vẫn duy trì doanh thu tính theo nội tệ.

Một thương nhân tại Bangkok cho biết, trong thời chiến, người ta thường tích trữ lương thực. Tuy nhiên, gạo Ấn Độ hiện đang rẻ hơn gạo Thái Lan và Ấn Độ cũng có lượng tồn kho lớn. Ngoài ra, hiện có nhiều người mua gạo Ấn Độ hơn gạo Thái Lan. Gạo Thái Lan chủ yếu được bán cho các khách hàng truyền thống.

Trong một diễn biến khác, Bangladesh đã gia hạn thêm một tháng để các thương nhân tư nhân nhập khẩu 200.000 tấn gạo, cho phép các lô hàng được giao đến trước ngày 20/4. Động thái này diễn ra trong bối cảnh chính phủ vẫn đang nỗ lực hạ nhiệt giá lương thực thiết yếu, mặc dù mùa vụ bội thu và lượng dự trữ dồi dào. ■

Phần II: THỊ TRƯỜNG GẠO VIỆT NAM



Trong 2 tháng đầu năm, lượng gạo xuất khẩu của Việt Nam sang Philippines, Trung Quốc, Malaysia tăng rất mạnh so với cùng kỳ năm trước. Tuy nhiên, nhu cầu từ khu vực châu Phi lại đang có xu hướng chậm lại. Xung đột giữa Mỹ, Israel và Iran không chỉ tác động trực tiếp đến hoạt động xuất khẩu gạo của Việt Nam sang khu vực vùng Vịnh mà còn làm gia tăng chi phí vận chuyển do phí bảo hiểm và giá nhiên liệu leo thang.

1 Sản xuất

Tính đến ngày 9/3, theo số liệu của Cục Trồng trọt – Bộ Nông nghiệp và Môi trường, các tỉnh, thành phố vùng ĐBSCL, vụ Đông Xuân 2025-2026 đã xuống giống được 1,238 triệu ha đã đạt 98,16% diện tích kế hoạch, đã thu

hoạch được khoảng 357.000 tấn với năng suất khoảng 66,87 tạ/ha, sản lượng ước đạt 2,387 triệu tấn lúa.

Vụ Hè Thu 2026 xuống giống sớm với diện tích 75.000 ha/1,243 triệu ha đạt chiếm tỷ lệ 6% diện tích kế hoạch.

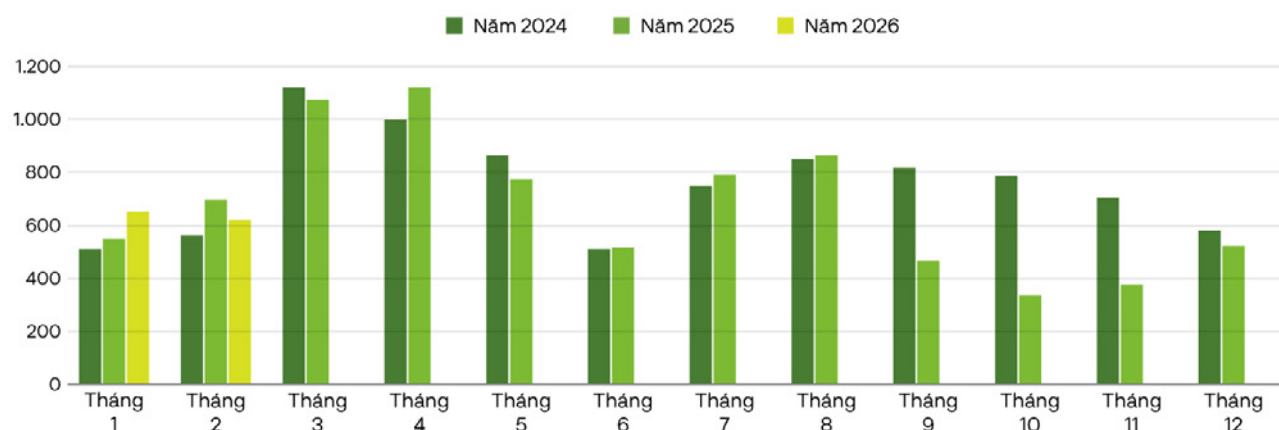
2 Xuất khẩu

Theo số liệu của Cục Hải quan Việt Nam, do có kỳ nghỉ Tết Nguyên đán dài ngày nên xuất khẩu gạo của Việt Nam trong tháng 2 chỉ đạt 621.837 tấn, trị giá 284,5 triệu USD, giảm 4,5% về lượng và giảm 8,2% về trị giá so với tháng trước, đồng thời giảm 10,8% về lượng và 20,6% về trị giá so với cùng kỳ năm ngoái.

Lũy kế 2 tháng đầu năm, xuất khẩu gạo đạt 1,27 triệu tấn, tăng 3,5% so với cùng kỳ năm trước. Tuy nhiên, kim ngạch xuất khẩu lại giảm 11,9%, còn 594 triệu USD (**Biểu đồ 2**).

Biểu đồ 2: Xuất khẩu của Việt Nam qua các tháng năm 2024-2026

Đơn vị: tấn. Nguồn: Số liệu từ Số liệu từ Cục Hải quan Việt Nam.



Mặc dù tháng 2 có số ngày làm việc ít hơn do trùng với kỳ nghỉ Tết Nguyên đán, nhưng lượng gạo xuất khẩu của Việt Nam sang một số thị trường chủ lực vẫn duy trì mức tăng trưởng tích cực so với cùng kỳ năm trước. Cụ thể, Philippines tăng 17,5%, Trung Quốc tăng 9,1%, Malaysia tăng 71,7%, trong khi Ả Rập Xê Út và UAE lần lượt tăng mạnh 141,1% và 19,2%. Ngược lại, một số thị trường như Ghana, Bờ Biển Ngà, Mozambique... ghi nhận xu hướng giảm.

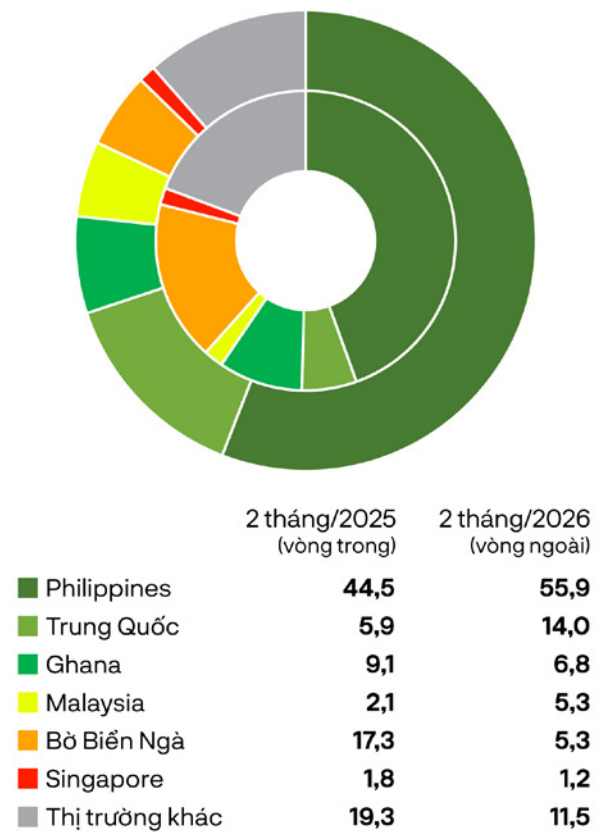
Tính đến hết tháng 2/2026, Philippines vẫn là thị trường xuất khẩu gạo lớn nhất của Việt Nam, với khối lượng đạt 711.264 tấn, tương đương trị giá 312,3 triệu USD, tăng mạnh 30% về lượng và tăng 9,9% về trị giá so với cùng kỳ năm 2025. Đáng chú ý, tỷ trọng gạo xuất khẩu sang Philippines trong tổng lượng gạo Việt Nam xuất khẩu ra thế giới đã lên tới 55,9%, cao hơn đáng kể so với mức 44,5% của cùng kỳ năm trước, phản ánh nhu cầu mua vào của Philippines tăng mạnh sau khi lệnh cấm nhập khẩu kéo dài 4 tháng hết hiệu lực (**Biểu đồ 3**).

Trung Quốc đứng ở vị trí thứ hai, với khối lượng đạt 178.165 tấn, trị giá 88,1 triệu USD, tăng hơn 2,4 lần cả về lượng và trị giá so với cùng kỳ năm ngoái. Thị phần của thị trường này trong tổng lượng gạo xuất khẩu của Việt Nam cũng tăng đáng kể từ 5,9% lên 14%.

Xuất khẩu gạo sang Malaysia cũng tăng mạnh trong 2 tháng đầu năm, gấp 2,5 lần. Trong khi

Biểu đồ 3: Cơ cấu thị trường xuất khẩu gạo của Việt Nam trong 2 tháng/2025 và 2 tháng/2026

Đơn vị: % theo khối lượng.
Nguồn: Số liệu từ Cục Hải quan Việt Nam.



đó, hai thị trường khác tại Trung Đông là Ả Rập Xê Út và UAE tăng lần lượt 2,6 lần và 36,1%.

Ở chiều ngược lại, lượng gạo xuất khẩu sang Singapore giảm 31,3%. Đồng thời, xuất khẩu sang khu vực châu Phi có xu hướng giảm trong 2 tháng đầu năm 2026, với Ghana giảm 22,7%, Bờ Biển Ngà giảm 68,5%, Mozambique giảm 8,8%, Senegal giảm 53,1% so với cùng kỳ năm trước... (**Bảng 2**).

Bảng 2: Thị trường xuất khẩu gạo của Việt Nam trong tháng 2/2026

Nguồn: Số liệu từ Cục Hải quan Việt Nam.

Thị trường xuất khẩu	Tháng 1/2026		So với tháng 1/2026 (%)		So với tháng 2/2025 (%)		2 tháng đầu 2026		So với 2 tháng năm 2025 (%)	
	Lượng (tấn)	Trị giá (nghìn USD)	Lượng (%)	Trị giá (%)	Lượng (%)	Trị giá (%)	Lượng (tấn)	Trị giá (nghìn USD)	Lượng (%)	Trị giá (%)
Tổng	621.837	284.536	▲ 4,5	▼ 8,2	▼ 10,8	▼ 20,6	1.273.247	594.095	▲ 3,5	▼ 11,9
Philippines	379.492	164.864	▲ 14,4	▲ 11,8	▲ 17,5	▲ 3,8	711.264	312.317	▲ 30,0	▲ 9,9
Trung Quốc	59.976	31.279	▼ 49,3	▼ 44,9	▲ 9,1	▲ 19,9	178.165	88.071	▲ 143,7	▲ 145,4
Ghana	34.020	17.772	▼ 35,4	▼ 35,7	▼ 35,7	▼ 38,1	86.674	45.069	▼ 22,7	▼ 34,4

Thị trường xuất khẩu	Tháng 1/2026		So với tháng 1/2026 (%)		So với tháng 2/2025 (%)		2 tháng đầu 2026		So với 2 tháng năm 2025 (%)	
	Lượng (tấn)	Trị giá (nghìn USD)	Lượng (%)	Trị giá (%)	Lượng (%)	Trị giá (%)	Lượng (tấn)	Trị giá (nghìn USD)	Lượng (%)	Trị giá (%)
Tổng	621.837	284.536	▼ 4,5	▼ 8,2	▼ 10,8	▼ 20,6	1.273.247	594.095	▲ 3,5	▼ 11,9
Malaysia	19.306	8.414	▼ 59,6	▼ 56,9	▲ 71,7	▲ 20,5	67.044	27.925	▲ 155,0	▲ 76,9
Bồ Biển Ngà	56.002	23.528	▲ 407,8	▲ 406,5	▼ 53,1	▼ 60,0	67.031	28.173	▼ 68,5	▼ 74,4
Singapore	6.285	3.418	▼ 27,3	▼ 28,7	▼ 34,1	▼ 43,3	14.927	8.210	▼ 31,3	▼ 40,1
Mozambique	470	217	▼ 94,9	▼ 96,0	▼ 82,6	▼ 85,4	9.775	5.585	▼ 8,8	▼ 18,0
Ả Rập Xê Út	4.072	2.414	▼ 24,1	▼ 22,2	▲ 171,8	▲ 141,1	9.439	5.517	▲ 164,4	▲ 115,6
UAE	3.595	2.167	▼ 32,0	▼ 32,9	▲ 40,1	▲ 19,2	8.882	5.399	▲ 36,1	▲ 15,9
Hong Kong	2.176	1.318	▼ 61,0	▼ 59,9	▼ 58,7	▼ 60,7	7.750	4.604	▼ 16,2	▼ 21,9
Australia	2.885	1.653	▲ 6,0	▼ 18,0	▲ 34,1	▼ 4,6	5.607	3.669	▲ 30,6	▲ 3,9
Mỹ	2.086	1.585	▼ 26,3	▼ 23,9	▼ 33,8	▼ 44,9	4.916	3.668	▼ 14,1	▼ 30,6
Campuchia	1.767	960	▼ 29,7	▼ 33,2	▼ 54,3	▼ 60,6	4.286	2.401	▼ 41,5	▼ 47,9
Indonesia	520	270	▼ 63,6	▼ 55,1	▼ 94,8	▼ 93,6	1.950	871	▼ 81,8	▼ 80,9
Nam Phi	843	435	▼ 5,9	▼ 4,3	▲ 38,7	▲ 16,4	1.738	890	▲ 49,8	▲ 12,5
Ba Lan	1.161	766	▲ 155,7	▲ 113,4	▲ 128,1	▲ 75,4	1.615	1.125	▲ 12,6	▼ 4,2
Hà Lan	730	590	▲ 13,9	▲ 10,5	▲ 7,4	▲ 23,6	1.371	1.124	▼ 15,0	▼ 12,1
Đài Loan	261	158	▼ 74,8	▼ 75,6	▼ 76,9	▼ 78,0	1.298	805	▼ 31,8	▼ 33,0
Pháp	319	266	▼ 35,0	▼ 25,6	▲ 254,4	▲ 267,8	810	624	▲ 24,4	▲ 12,0
Nga	302	224	▼ 37,3	▼ 28,0	▼ 57,2	▼ 52,7	784	535	▼ 18,4	▼ 15,3
Tây Ban Nha	166	110	▼ 8,8	▼ 23,0	▼ 34,4	▼ 42,5	348	252	▼ 26,1	▼ 28,9
Senegal	102	52	▼ 58,4	▼ 56,8	▼ 85,8	▼ 87,6	347	173	▼ 53,1	▼ 60,8
Iraq			▼ 100,0	▼ 100,0	▼ 100,0	▼ 100,0	250	132	▲ 228,9	▲ 119,2
Chile	117	97	▼ 1,7	▲ 2,2	▲ 21,9	▲ 15,1	236	192	▼ 87,9	▼ 83,8
Tanzania			▼ 100,0	▼ 100,0	▼ 100,0	▼ 100,0	130	80	▼ 87,5	▼ 88,0
Brunei	22	22	▼ 78,0	▼ 63,9	0,0	▲ 2,5	122	84	▲ 454,5	▲ 286,4
Angola			▼ 100,0	▼ 100,0			108	43		
Ukraine			▼ 100,0	▼ 100,0	▼ 100,0	▼ 100,0	50	37	▼ 56,1	▼ 67,7
Thổ Nhĩ Kỳ			▼ 100,0	▼ 100,0	▼ 100,0	▼ 100,0	43	36	▼ 99,6	▼ 99,4
Bangladesh			▼ 100,0	▼ 100,0	▼ 100,0	▼ 100,0	27	20	▼ 99,9	▼ 99,9
Bỉ			▼ 100,0	▼ 100,0			27	20		
Khác	45.162	21.956	▲ 9,9	▼ 10,4	▼ 22,8	▼ 38,5	86.233	46.443	▼ 31,8	▼ 41,4

3 Diễn biến giá

Giá gạo xuất khẩu bình quân của Việt Nam trong tháng 2/2026 đạt 458 USD/tấn, giảm 3,8% so với tháng trước và giảm 11% so với cùng kỳ. Trong 2 tháng đầu năm, giá xuất khẩu bình quân gạo đạt 467 USD/tấn, giảm 14,9% (82 USD/tấn) so với cùng kỳ năm ngoái **(Biểu đồ 4)**.

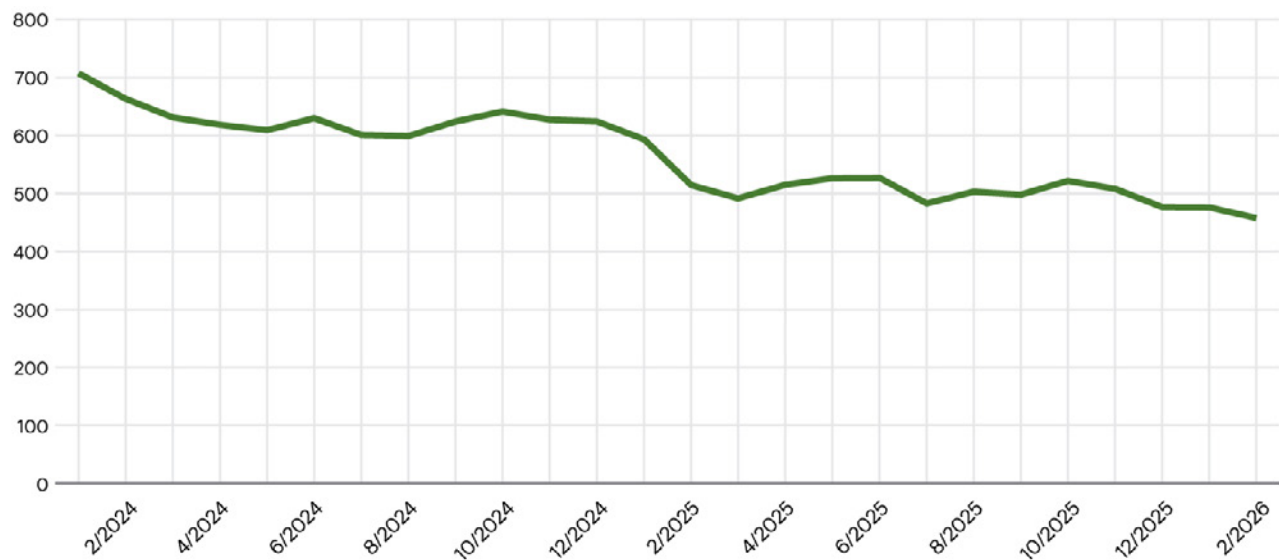
Ở trong nước, giá lúa gạo cũng có xu hướng giảm nhẹ sau khi tăng ở một số chủng loại vào tháng trước. Cụ thể, theo dữ liệu từ Hiệp hội Lương thực Việt Nam (VFA), tính đến ngày 5/3, giá lúa thường tại ruộng và tại kho lần lượt đạt 5.421 đồng/kg và 6.638 đồng/kg, giảm 0,6% - 0,9% (tương ứng 33 đồng/kg và 58 đồng/kg) so với cuối tháng 1.

Tương tự, giá các loại gạo xuất khẩu cũng giảm thêm 0,2–0,5%, dao động trong khoảng 8.436 - 9.007 đồng/kg. Trong khi đó, giá cám tiếp tục tăng 2,1% (164 đồng/kg), lên mức 7.914 đồng/kg.

So với cùng kỳ năm ngoái, giá lúa hiện đang thấp hơn khoảng 0,8 – 1,3%, trong khi gạo giảm mạnh hơn, từ 7,5 – 12,2%. Ngược lại, ở nhóm phụ phẩm, giá tấm tăng 4,3%, còn giá cám tăng đến 40,1% **(Bảng 3)**.■

Biểu đồ 4: Diễn biến giá gạo xuất khẩu bình quân của Việt Nam qua các tháng năm 2024-2026

Đơn vị: USD/tấn. Nguồn: Số liệu từ Tổng cục Hải quan.



Bảng 3: Diễn biến giá lúa tại An Giang tính đến ngày 5/3/2026

Nguồn: Tổng hợp số liệu từ Hiệp hội Lương thực Việt Nam.

Chủng loại	Tại ngày 5/3/2026	So sánh tăng/giảm			
		So với 1 tháng trước		So với cùng kỳ năm 2025	
		đồng/kg	%	đồng/kg	%
Lúa thường tại ruộng	5.421	▼ 0,6	▼ 33	▼ 0,8	▼ 43
Lúa thường tại kho	6.638	▼ 0,9	▼ 58	▼ 1,3	▼ 87
Lứt loại 1	8.458	▼ 1,8	▼ 159	▼ 2,4	▼ 209
Xát trắng loại 1	9.415	▼ 0,5	▼ 45	▼ 8,5	▼ 875
5% tấm	9.007	▼ 0,5	▼ 43	▼ 11,8	▼ 1.207
15% tấm	8.764	▼ 0,5	▼ 43	▼ 12,2	▼ 1.219
25% tấm	8.436	▼ 0,2	▼ 14	▼ 7,5	▼ 681
Tấm 1/2	7.607	0,0	▲ 3	▲ 4,3	▲ 314
Cám xát/lau	7.914	▲ 2,1	▲ 164	▲ 40,1	▲ 2.264

Phần III: DỰ BÁO



Khối lượng xuất khẩu gạo của Việt Nam ghi nhận mức tăng trưởng tích cực trong hai tháng đầu năm, nhưng triển vọng thời gian tới vẫn đối mặt với nhiều thách thức do giá gạo tiếp tục duy trì ở mức thấp, trong khi nhu cầu từ các thị trường chủ lực thiếu ổn định, cùng với việc chi phí vận chuyển tăng mạnh do tác động của xung đột tại Trung Đông.

Các số liệu gần đây cho thấy nhu cầu từ thị trường châu Phi đang chững lại. Đối với Philippines, quốc gia này đã đẩy mạnh nhập khẩu trong hai tháng đầu năm, nhưng dự kiến sẽ giảm khối lượng nhập khẩu trong thời gian tới để hỗ trợ vụ thu hoạch trong nước. Theo đó, lượng nhập khẩu của Philippines có thể giảm xuống khoảng 150.000 tấn/tháng trong tháng 3 và 4, so với mức bình quân khoảng 400.000 tấn/tháng trước đó.

Trong khi đó, xuất khẩu gạo của Việt Nam sang hai thị trường vùng Vịnh là Ả Rập Xê Út và UAE đang đứng trước nguy cơ bị gián đoạn do căng thẳng trong khu vực giữa Mỹ và Israel với Iran. Trong 2 tháng đầu năm nay, Ả Rập Xê Út và UAE lần lượt là thị trường xuất khẩu gạo lớn thứ 8 và 9 của Việt Nam, với tổng lượng nhập khẩu 18.571 tấn, chiếm 1,5% thị phần.

Không chỉ chịu tác động trực tiếp, xung đột tại Trung Đông còn ảnh hưởng gián tiếp đến hoạt động xuất khẩu gạo sang các thị trường khác như châu Phi và châu Âu, khi chi phí vận chuyển gia tăng do phí bảo hiểm và giá nhiên liệu leo thang. Giá nhiên liệu và phân bón tăng cũng được cho là yếu tố gây áp lực đến sản xuất lúa gạo trong nước. ■

Phần IV: HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC DOANH NGHIỆP TRONG NGÀNH

Chia sẻ với báo chí mới đây, ông Đỗ Hà Nam, Chủ tịch Hiệp hội Lương thực Việt Nam cho biết, xuất khẩu gạo của Việt Nam hiện đang đối mặt với một số khó khăn.

Chẳng hạn, Philippines - thị trường nhập khẩu gạo lớn nhất của Việt Nam đã có những điều chỉnh chính sách nhập khẩu, ảnh hưởng nhất định đến thị phần của gạo Việt Nam. Một số thị trường khác như Indonesia cũng có biến động về nhu cầu nhập khẩu.

Bên cạnh đó, nguồn cung gạo trên thị trường thế giới có xu hướng tăng, khiến cạnh tranh ngày càng lớn và gây áp lực lên giá gạo xuất khẩu. Theo đại diện của VFA, các doanh nghiệp xuất khẩu gạo hiện cũng đang gặp nhiều khó khăn do lãi suất tăng, giá xăng dầu tăng, kéo theo chi phí sản xuất và vận chuyển tăng cao.

Ngoài ra, tại một số địa phương, nông dân có nhu cầu nhận tiền mặt khi bán lúa, trong khi quy định mới của Bộ Tài chính yêu cầu thanh toán qua chuyển khoản, khiến việc thu mua trực tiếp giữa doanh nghiệp và người dân gặp nhiều vướng mắc. Tình trạng này không chỉ xảy ra với lúa gạo mà còn với nhiều sản phẩm nông nghiệp khác.

Dù vậy, trong bối cảnh thị trường có nhiều biến động, các doanh nghiệp Việt Nam vẫn đang tích cực tìm kiếm và mở rộng thị trường, đặc biệt tại châu Phi, Trung Quốc và một số thị trường tiềm năng khác. Nhờ đó, trong hai tháng đầu năm, xuất khẩu gạo của Việt Nam vẫn tăng khoảng 5% so với cùng kỳ năm trước.

Để giảm rủi ro cho người trồng lúa, VFA kiến nghị, Nhà nước cần xem xét khuyến khích doanh nghiệp tham gia thu mua và dự trữ lúa gạo, nhằm hỗ trợ tiêu thụ trong thời điểm thu hoạch rộ và tránh tình trạng giá lúa giảm sâu. Đồng thời, việc thúc đẩy các hợp đồng xuất khẩu cấp Chính phủ (G2G) cũng rất quan trọng, bởi đây là kênh giúp duy trì thị trường ổn định trong nhiều năm qua.

Ngoài ra, các doanh nghiệp cần tiếp tục mở rộng thị trường và ký kết thêm các hợp đồng xuất khẩu để bảo đảm đầu ra cho sản phẩm. Trong bối cảnh chi phí sản xuất và lãi suất vẫn ở mức cao, việc tăng cường các chính sách hỗ trợ tín dụng cho doanh nghiệp thu mua lúa gạo cũng là yếu tố cần thiết.



CTCP Nông nghiệp Công nghệ cao Trung An (mã:

TAR): Thông tin với *Báo Nông nghiệp và Môi trường*, ông

Phạm Thái Bình - Chủ tịch HĐQT của TAR cho biết, giá nhiên liệu tăng, nguồn cung khan hiếm chắc chắn tác động đến nền kinh tế nói chung và ngành hàng lúa gạo nói riêng.

Trước đây, chi phí vận chuyển một container gạo từ Việt Nam sang cảng Hamburg (Đức) khoảng 1.500 USD, nay tăng lên 2.800 USD. Một số đơn vị vận tải trong nước cũng nhanh chóng điều chỉnh, thu phụ phí theo biến động giá nhiên liệu.

Không chỉ vậy, tiến độ vận chuyển cũng bị kéo dài đáng kể. Trước đây một lô hàng xuất khẩu mất khoảng 40 ngày, nay có thể hơn 2 tháng mới đến nơi, ảnh hưởng lớn đến tiến độ giao hàng của doanh nghiệp. Việc đặt container cũng không ổn định, trước đây doanh nghiệp đăng ký bao nhiêu được xuất đi bấy nhiêu, nhưng bây giờ “rớt lên rớt xuống”. Có khi đăng ký 20 container nhưng chỉ xuất được 2 container. Tuy nhiên, đại diện của TAR cho rằng logistics chưa phải vấn đề lớn nhất của ngành lúa gạo lúc này.

Điều đáng lo nhất hiện nay là đầu ra tiêu thụ lúa gạo đang rất khó khăn, hàng xáo không thu mua, đầu ra gạo rất ít. Trong bối cảnh đó, nông dân là đối tượng chịu áp lực đầu tiên.

Hiện Công ty Trung An đang liên kết thu mua khoảng 9.000 ha lúa, sản lượng khoảng 81.000 tấn. Hiện Trung An mua lúa Đài Thơm 8 với giá ổn định khoảng 6.000 đồng/kg, nếu đạt tiêu chuẩn có thể 6.100 - 6.200 đồng/kg. Trong khi đó, ngoài thị trường giá chỉ còn 5.700 - 5.800 đồng/kg, thậm chí nhiều nơi nông dân còn lo không bán được.



CTCP Lương thực A An:

Sở Giao dịch Chứng khoán

TP.HCM (HOSE) vừa qua đã

tiếp nhận hồ sơ đăng ký niêm yết 65 triệu cổ phiếu của CTCP Lương thực A An. Trước thềm lên sàn, doanh nghiệp bán lẻ gạo này ghi nhận doanh thu năm 2025 vượt 3.300 tỷ đồng, biên lợi nhuận ròng ở mức 1,35%

Theo đó, kết thúc năm tài chính 2025, Lương thực A An ghi nhận doanh thu thuần 3.318,6 tỷ đồng, tăng 36,2% so với năm 2024. Tuy nhiên, chi phí hoạt động tăng mạnh đã làm thu hẹp biên lợi nhuận.

Cụ thể, chi phí tài chính tăng 104% lên 46,8 tỷ đồng; chi phí bán hàng tăng 42% lên 42,5 tỷ đồng; chi phí quản lý doanh nghiệp tăng 48% lên 30 tỷ đồng. Sự gia tăng đồng loạt của các khoản chi phí khiến lợi nhuận sau thuế chỉ đạt 45 tỷ đồng, tương ứng tỷ suất lợi nhuận ròng 1,35%.

Tại ngày 31/12/2025, tổng tài sản của doanh nghiệp đạt 1.609 tỷ đồng. Khoản phải thu ngắn hạn tăng 70% so với đầu năm, lên 502 tỷ đồng, chiếm 31,1% tổng tài sản. Cùng với 428 tỷ đồng hàng tồn kho, hai khoản mục này chiếm hơn 57% tổng giá trị tài sản. Về nguồn vốn, tổng nợ phải trả ở mức 675 tỷ đồng, trong đó 604 tỷ đồng là nợ vay tài chính ngắn hạn.

Lương thực A An được thành lập năm 2021, tách mảng kinh doanh gạo từ Tập đoàn Tân Long với vốn điều lệ ban đầu 100 tỷ đồng. Sau các đợt phát hành, vốn điều lệ hiện đạt 650 tỷ đồng.

Theo dữ liệu kiểm toán năm 2025, Tập đoàn Tân Long - cổ đông sáng lập từng nắm giữ 75% vốn khi thành lập đã thoái toàn bộ 44,29% cổ phần trực tiếp tại doanh nghiệp. Hiện cổ đông lớn nhất là CTCP Siba Holdings với tỷ lệ sở hữu 52,14%.

Cơ cấu sở hữu chéo vẫn được duy trì khi ông Trương Sỹ Bá, Chủ tịch HĐQT Tập đoàn Tân Long, nắm giữ 98% vốn tại Siba Holdings. Nếu thủ tục niêm yết hoàn tất, Lương thực A An sẽ trở thành pháp nhân thứ ba liên quan đến hệ sinh thái Tân Long hiện diện trên thị trường chứng khoán, sau CTCP Nông nghiệp BaF Việt Nam (BAF) và CTCP Tập đoàn Cơ khí Công nghệ cao Siba (SBG).



CTCP Xuất Nhập khẩu An Giang (Angimex, mã: AGM):

BCTC hợp nhất kiểm toán 2025 của Angimex ghi nhận khoản lỗ ròng gần 105 tỷ đồng, thấp hơn mức lỗ hơn 137 tỷ đồng trong báo cáo tự lập.

Việc điều chỉnh giảm lỗ sau kiểm toán chủ yếu đến từ thay đổi trong các khoản mục thu nhập và chi phí. Cụ thể, Angimex ghi nhận lãi khác hơn 2.3 tỷ đồng sau kiểm toán, trong khi báo cáo tự lập ghi nhận lỗ khác gần 25 tỷ đồng. Bên cạnh đó, một số chi phí cũng được tiết giảm như chi phí quản lý giảm 17% và chi phí tài chính giảm 8%.

Tuy nhiên, doanh thu sau kiểm toán điều chỉnh giảm mạnh 42% so với báo cáo tự lập, xuống còn hơn 21.5 tỷ đồng. Doanh thu giảm khiến lỗ gộp của Công ty tăng lên, dù giá vốn cũng được điều chỉnh giảm. Angimex cho biết sự chênh lệch này đến từ việc BCTC của các công ty con và công ty liên kết sau kiểm toán có thay đổi so với số liệu tự lập ban đầu.

So với mức lỗ kỷ lục 260 tỷ đồng năm 2024, mức lỗ sau kiểm toán năm 2025 của Angimex đã giảm đáng kể. Tuy nhiên, doanh thu của Doanh nghiệp gần như “bốc hơi” khi giảm tới 91% so với cùng kỳ.

Angimex cho biết nguyên nhân chính đến từ việc không còn hợp nhất doanh thu từ các công ty con đã thoái vốn, đồng thời Doanh nghiệp chuyển đổi hoạt động chính từ thương mại dịch vụ sang cho thuê tài sản như nhà máy và mặt bằng. Sự thay đổi này khiến doanh thu giảm mạnh.

Dù vậy, áp lực chi phí tài chính vẫn lớn khi riêng năm 2025, chi phí lãi vay của doanh nghiệp lên tới gần 87 tỷ đồng, trong khi doanh thu cả năm chỉ hơn 21.5 tỷ đồng, tương ứng chi phí lãi vay gấp hơn 4 lần doanh thu.

Tính đến cuối năm 2025, Angimex ghi nhận lỗ lũy kế hơn 522 tỷ đồng sau chuỗi 4 năm thua lỗ liên tiếp. Điều này khiến vốn chủ sở hữu của Doanh nghiệp tiếp tục âm hơn 340 tỷ đồng. Từ giai đoạn 2022-2024, AGM cho biết đã bị siết tín dụng, mất cân đối vốn lưu động và phải thu hẹp quy mô sản xuất, khiến hoạt động cốt lõi gần như tê liệt.■

Phần V: CHÍNH SÁCH



Tăng cường thu mua tạm trữ lúa gạo cho nông dân

Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính vừa ký Công điện số 21 về việc điều hành sản xuất và tiêu thụ lúa gạo trong tình hình mới. Bối cảnh hiện nay là tình hình thế giới và khu vực đang diễn biến phức tạp, khó lường tác động đến chi phí logistics, đặc biệt là vận tải biển, ảnh hưởng đến thị trường thế giới. Trong nước, các tỉnh ĐBSCL đang thu hoạch rộ lúa vụ đông xuân, có hiện tượng giá thu mua lúa cho nông dân giảm so với cùng kỳ năm 2025.

Để hỗ trợ nông dân bước vào đợt thu hoạch lớn nhất trong năm, Thủ tướng yêu cầu Bộ Công thương chủ trì, phối hợp Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Ủy ban nhân dân các địa phương thành lập đoàn kiểm tra liên ngành để kiểm tra việc thực hiện việc thu mua, xuất nhập khẩu lúa gạo góp phần làm lành mạnh thị trường, nhất là khả năng dự trữ bắt buộc theo quy định tại Nghị định số 107 năm 2018 và Nghị định số 01 năm 2025.

Bên cạnh đó, Bộ Công thương cần đa dạng hóa thị trường, giảm dần phụ thuộc vào các quốc gia nhập khẩu truyền thống; cung cấp thông tin, hướng dẫn cho các doanh nghiệp về thời điểm tập trung xuất khẩu có lợi về giá và tính cạnh tranh trên thị trường quốc tế. Ngoài ra, cần tăng cường các giải pháp thúc đẩy tiêu thụ gạo trong nước, đa dạng hóa các sản phẩm từ gạo phục vụ tiêu dùng trong nước và xuất khẩu.

Bộ trưởng Bộ Tài chính xem xét, triển khai các biện pháp hỗ trợ doanh nghiệp xuất khẩu

gạo, tạo điều kiện thuận lợi trong hoàn thuế và thông quan. Xây dựng kế hoạch mua dự trữ gạo quốc gia phù hợp để góp phần ổn định giá lúa gạo trong nước.

Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chỉ đạo các tổ chức tín dụng bố trí nguồn vốn với lãi suất hợp lý để hỗ trợ doanh nghiệp thu mua lúa gạo, nhất là trong giai đoạn thu hoạch rộ. Nghiên cứu chỉ đạo có cơ chế tín dụng ưu đãi cho doanh nghiệp có hệ thống kho chứa và năng lực thu mua lớn, tạo điều kiện để tăng cường thu mua tạm trữ lúa gạo cho nông dân.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố cần chỉ đạo các cơ quan chức năng phối hợp với doanh nghiệp và hợp tác xã tổ chức thu mua lúa kịp thời, tránh tình trạng lúa chín nhưng không được thu mua. Có giải pháp hỗ trợ các doanh nghiệp trong việc thu mua, vận chuyển lúa, gạo về kho chứa của các doanh nghiệp. Đẩy mạnh công tác quản lý thị trường; tăng cường thanh tra, kiểm tra, giám sát tình hình mua bán của các doanh nghiệp đầu mối, thương lái, tránh tình trạng lợi dụng tình hình để ép giá, trục lợi; cạnh tranh không lành mạnh giữa các doanh nghiệp.

Đồng thời, Chủ tịch Hiệp hội Lương thực Việt Nam, Chủ tịch Hiệp hội Ngành hàng lúa gạo Việt Nam, các Tổng công ty Lương thực miền Bắc, miền Nam và các doanh nghiệp kinh doanh xuất khẩu gạo cần tăng cường thu mua lúa gạo cho nông dân, đặc biệt tại các vùng sản xuất lớn ở ĐBSCL. Chủ động tận dụng hệ thống kho chứa và năng lực chế biến để thu mua, tạm trữ lúa gạo, góp phần ổn định thị trường. ■

Phụ lục

NGUỒN THAM KHẢO

Bộ Công Thương	Bộ Thương Mại Ấn Độ
Hiệp hội Lương thực Việt Nam (VFA)	Reuters
Bộ Nông nghiệp & Môi trường	Bloomberg
Cục Hải quan Việt Nam	Báo Thanh Niên
Bộ Nông nghiệp Mỹ (USDA)	TTXVN
Tổ chức Lương thực và Nông nghiệp Liên Hiệp Quốc (FAO)	Vietstock
Tổng cục Hải quan Trung Quốc	

BẢN QUYỀN

Báo cáo “Thị trường lúa gạo tháng 2/2026” được biên tập viên mục Hàng hóa của VietnamBiz tổng hợp và trình bày. Các số liệu, thông tin và những phân tích được tổng hợp trong báo cáo này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin và không được sử dụng như lời khuyên cho việc tư vấn kinh doanh, tài chính và những lĩnh vực chuyên nghiệp khác.

TUYÊN BỐ MIỄN TRỪ TRÁCH NHIỆM

Thông tin và tài liệu trong báo cáo được nỗ lực tổng hợp dưới dạng sẵn có một cách chính xác nhất có thể. Tuy nhiên, tác giả không đảm bảo tính chính xác, sự thích hợp hay đầy đủ của các thông tin và số liệu, đồng thời tuyên bố miễn trừ hoàn toàn trách nhiệm đối với các lỗi hoặc thiếu sót trong các thông tin và số liệu này.

GIỚI HẠN TRÁCH NHIỆM

VietnamBiz sẽ không chịu trách nhiệm bồi thường đối với bất kì chi phí, tổn thất hoặc thiệt hại nào cho dù trực tiếp hay gián tiếp, có liên quan tới hoặc là hậu quả của việc sử dụng báo cáo, hoặc liên quan tới những thiếu sót, sai sót.

ĐỂ THEO DÕI NHỮNG BÁO CÁO GẦN NHẤT CỦA CHÚNG TÔI, XIN TRUY CẬP:

- Mục Báo cáo hàng hóa - Chuyên mục Hàng hóa VietnamBiz
- Báo cáo thị trường lúa gạo tháng 11/2025
- Báo cáo thị trường lúa gạo năm 2025
- Báo cáo thị trường lúa gạo tháng 1/2026

THỰC HIỆN:

Nội dung: **Hoàng Hiệp**

Thiết kế: **Alex Chu**

MỌI Ý KIẾN ĐÓNG GÓP VỀ BÁO CÁO THỊ TRƯỜNG, XIN LIÊN HỆ TỚI:

Mrs. Trịnh Huyền Trang

Thư ký toà soạn phụ trách mục Hàng hóa - trang TTĐTTH VietnamBiz

Hotline: 099 522 2999

Email: info@vietnambiz.vn



Địa chỉ: Lầu 5 - Tòa nhà COMPA Building - 293 Điện Biên Phủ - Phường Gia Định - TP Hồ Chí Minh

Chi nhánh: Số 5 - ngõ 38A - Phố Trần Phú - Phường Ba Đình - TP Hà Nội

Hotline: 0938.1892224

Email: info@vietnambiz.vn

Vận hành bởi  **VIETNEWS CORP**